

Chính sách tôn giáo của Trung Quốc trong giai đoạn 1949 - 1982

Phạm Thanh Hằng *

Tóm tắt: Bài viết phân tích chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong thời kỳ đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (giai đoạn từ 1949 - 1982). Từ thành lập nước năm 1949 đến trước Đại cách mạng Văn hóa chính sách đó chủ yếu là đúng đắn, bao gồm: coi tự do tôn giáo là quốc sách hàng đầu; phân biệt và xử lý đúng đắn hai mâu thuẫn không cùng tính chất của vấn đề tôn giáo; hoạch định phương hướng chính trị đúng đắn cho các tôn giáo; hình thành quan niệm về “Ngũ tính luân” của tôn giáo; dẫn dắt các tôn giáo tiến hành phong trào cải cách dân chủ thể chế tôn giáo; xác lập phương châm độc lập, tự chủ, tự xây dựng giáo hội; nghiêm túc thận trọng trong giải quyết vấn đề tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số; không dùng mệnh lệnh hành chính trong ứng xử với tôn giáo. Tuy nhiên, từ Đại cách mạng Văn hóa đến trước năm 1982, chính sách của Trung Quốc về tôn giáo gặp nhiều sai lầm do nhận thức và ứng xử phản khoa học đối với tôn giáo.

Từ khóa: Tôn giáo; chính sách; Trung Quốc.

1. Mở đầu

Kể từ sau năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trở thành Đảng cầm quyền trong phạm vi cả nước. Chủ trương của Đảng đối với tôn giáo trở thành chính sách quốc gia của một Nhà nước Trung Quốc độc lập. Chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn này là gì và có phù hợp với mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa hay không?

2. Các chính sách tôn giáo của Trung Quốc giai đoạn 1949 - 1982

2.1. Giai đoạn 1949 đến trước “Đại cách mạng văn hóa”

2.1.1. Coi tự do tôn giáo là quốc sách hàng đầu

Quyền tự do tôn giáo, được thể hiện rõ ràng trong hai văn bản quan trọng là “*Cương lĩnh chung*” và “*Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*”.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Cộng

hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức được thành lập. Trước đó, ngày 29 tháng 9 năm 1949, “*Cương lĩnh chung*” đã được thông qua trong Hội nghị Hiệp thương Chính trị nhân dân Trung Quốc nhằm chế định ra những nội dung mang tính chất hiến pháp tạm thời cho Nhà nước mới được thành lập, trong đó có vấn đề tôn giáo. Điều 5 của *Cương lĩnh chung* quy định: “Nhân dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được hưởng quyền tự do tư tưởng; tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do hội họp; tự do tổ chức đoàn thể; tự do thông tấn; tự do thân thể; tự do cư trú; tự do di chuyển; tự do tôn

(*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
ĐT: 0989898125. Email: thanhhanghh2015@gmail.com.
Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài: “*Ảnh hưởng của tôn giáo đến lối sống người Việt và ý nghĩa của nó trong việc xây dựng lối sống mới hiện nay*”, mã số 12.3-2013-2013.12.

giáo, tín ngưỡng và tự do du lịch” [3, tr.60]. Điều 53 của *Cương lĩnh chung* khi bàn về chính sách dân tộc đã khẳng định: “các dân tộc thiểu số đều có quyền phát triển ngôn ngữ, văn tự của mình; duy trì hay thay đổi phong tục tập quán vốn có và quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng” [3, tr.63]. Có thể thấy, *Cương lĩnh chung* nhấn mạnh hai vấn đề: *một là*, nhân dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng; *hai là*, tôn trọng phong tục tập quán và tự do tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số. Chính sách tôn giáo được định ra trong *Cương lĩnh chung* có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó trở thành đường lối chung của chính quyền mới trong ứng xử và giải quyết tất cả các vấn đề tôn giáo.

Tháng 9 năm 1954, Hội nghị Trung ương khóa I của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua *Hiến pháp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. *Hiến pháp* nhấn mạnh việc tiếp tục hoàn thiện chính sách tôn giáo đã đề ra trong “*Cương lĩnh chung*” năm 1949. Những quy định liên quan đến tôn giáo trong *Hiến pháp* chủ yếu gồm 3 điều. Điều 3: “Các dân tộc đều có quyền tự do sử dụng và phát triển ngôn ngữ, văn tự của mình; đều có quyền tự do duy trì hay thay đổi phong tục tập quán của mình” [3, tr.68]. Điều 86: “Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đủ 18 tuổi, không phân biệt dân tộc, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, thành phần xuất thân, tôn giáo, tín ngưỡng, trình độ giáo dục, tình trạng kinh tế, thời gian cư trú đều có quyền bầu cử và ứng cử; tuy nhiên cần ngoại trừ những người bị bệnh thần kinh hay những người bị tước quyền bầu cử và ứng cử dựa trên pháp luật” [3, tr.71]. Điều 88: “Công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được hưởng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng” [3, tr.72].

Hiến pháp năm 1954 nhấn mạnh chính sách nhất quán xuyên suốt của Đảng Cộng

sản Trung Quốc là tự do tôn giáo, tín ngưỡng. *Hiến pháp* khẳng định chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng là chính sách khoa học; tuân thủ quy luật khách quan của sự phát triển của tôn giáo; là chính sách phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân. So sánh giữa *Hiến pháp* năm 1954 và *Cương lĩnh chung* năm 1949 có thể nhận thấy một điểm khác biệt căn bản trong chủ thể hưởng thụ quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Trong *Hiến pháp*, chủ thể hưởng thụ là công dân. Trong *Cương lĩnh*, chủ thể hưởng thụ là nhân dân. Điều này cho thấy, sau 5 năm xây dựng đất nước, chế độ áp bức, bóc lột bị xóa bỏ, đấu tranh giai cấp đã không còn là mâu thuẫn chủ yếu của xã hội. Hơn nữa, việc sử dụng danh từ công dân cho thấy ý thức pháp chế đã bắt đầu hình thành trong nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đồng thời, với từ công dân, phạm vi của chủ thể quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng được mở rộng hơn rất nhiều.

2.1.2. Phân biệt và xử lý đúng đắn hai mâu thuẫn không cùng tính chất của vấn đề tôn giáo

Mao Trạch Đông - (nguyên Chủ tịch Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc) đã chỉ rõ ý nghĩa quan trọng của việc phân biệt và xử lý đúng đắn hai mâu thuẫn không cùng tính chất của vấn đề tôn giáo. Đối với mâu thuẫn hình thành do lực lượng thù địch và các phần tử theo chủ nghĩa ly khai lợi dụng tôn giáo vào âm mưu chính trị để phá hoại cách mạng Trung Quốc, cần áp dụng biện pháp chuyên chính để giải quyết. Còn đối với mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân Trung Quốc (như: mâu thuẫn giữa quần chúng có tín ngưỡng, tôn giáo với quần chúng không có tín ngưỡng, tôn giáo; mâu thuẫn giữa những quần chúng tin theo các tôn giáo và giáo phái khác nhau; mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các tổ chức tôn giáo với xã hội; mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình

Chính phủ Trung Quốc quản lý hoạt động tôn giáo bằng pháp luật,...) cần áp dụng biện pháp dân chủ, giải quyết thông qua thảo luận, giáo dục, thuyết phục.

2.1.3. Hoạch định phương hướng chính trị đúng đắn cho các tôn giáo

Đảng Cộng sản Trung Quốc yêu cầu các tôn giáo phải phục vụ cho nhân dân, cho Tổ quốc, hoạt động tôn giáo phải đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội. Năm 1950, Chu Ân Lai (nguyên Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu các tôn giáo phải nghiên cứu về vấn đề làm thế nào để phục vụ cho nhân dân, làm thế nào để góp sức cho sự tiến bộ của xã hội, khiến cho hoạt động tôn giáo đóng góp tích cực cho chủ nghĩa xã hội dân chủ mới. Điều này đã góp phần hoạch định phương hướng chính trị đúng đắn cho hoạt động của các tôn giáo ở Trung Quốc.

2.1.4. Hình thành quan niệm về “Ngũ tính luận” của tôn giáo

Năm 1953, Lý Duy Hán (nguyên Bộ trưởng Bộ Mặt trận Thống nhất của Trung Quốc) chủ trì soạn thảo báo cáo “*Tổng kết kinh nghiệm chủ yếu của Đảng về công tác đối với vùng dân tộc thiểu số trong thời gian qua*”. Trong đó, Lý Duy Hán chỉ rõ tính lâu dài, tính dân tộc, tính quốc tế của vấn đề tôn giáo. Quan điểm này thể hiện sự tổng kết và nhận thức sâu sắc của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với vấn đề tôn giáo, đồng thời đặt cơ sở nền tảng cho việc hình thành quan điểm “Ngũ tính luận” của tôn giáo.

Tháng 12 năm 1958, Hội nghị Công tác tôn giáo toàn quốc lần thứ 5 được tổ chức tại Bắc Kinh. Tại Hội nghị, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra quan điểm “Ngũ tính luận” của tôn giáo: tính quần chúng, tính dân tộc, tính lâu dài, tính quốc tế và tính phức tạp [1, tr.385]. Đây là khái quát hết sức khoa học của Đảng Cộng sản Trung Quốc về đặc điểm của tôn giáo

ở Trung Quốc dựa trên sự vận dụng quan điểm về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin và tình hình thực tiễn của Trung Quốc. Đặc điểm này là xuất phát điểm quan trọng cho việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc.

2.1.5. Dẫn dắt các tôn giáo tiến hành phong trào cải cách dân chủ thể chế tôn giáo

Đối với Công giáo và Tin Lành: Công giáo và Tin Lành được truyền bá rộng rãi ở Trung Quốc từ sau Chiến tranh Nha phiến. Quá trình truyền bá đó thực chất là quá trình thực hiện âm mưu đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Các giáo sĩ truyền giáo người nước ngoài chính là người khống chế giáo hội, các chức vụ quan trọng đều do họ đảm nhiệm. Sau khi đất nước được giải phóng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo, chỉ đạo nhân sĩ tôn giáo yêu nước của Công giáo và Tin Lành tiến hành phong trào cải cách tôn giáo nhằm cắt đứt mọi mối liên hệ và sự ràng buộc với chủ nghĩa đế quốc, thực hiện thể chế giáo hội tự trị, tự dưỡng, tự truyền.

Tháng 7 năm 1950, Ngô Diệu Tông - nhân vật đại diện cho Tin Lành Trung Quốc đã đưa ra Tuyên ngôn “*Con đường phấn đấu của Tin Lành Trung Quốc cho sự nghiệp xây dựng đất nước*”. Tuyên ngôn đặt ra nhiệm vụ cơ bản của Tin Lành Trung Quốc là bảo vệ Cương lĩnh chung; phản đối chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa tư bản dưới sự lãnh đạo của Chính phủ; nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Trung Quốc độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất và giàu mạnh. Tháng 11 năm 1950, Giám mục Vương Lương cùng hơn 500 tín đồ của Công giáo Trung Quốc đưa ra “*Tuyên ngôn cải cách độc lập tự chủ của Công giáo*”, chủ trương Công giáo Trung Quốc cắt đứt mọi mối liên hệ với chủ

nghĩa đế quốc, xây dựng giáo hội mới tự trị, tự dưỡng, tự truyền.

Đối với Islam giáo: sau thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định vấn đề tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số ở Tây Bắc cần hết sức coi trọng. Mùa xuân năm 1958, Bộ trưởng Bộ Mặt trận Thống nhất của Trung Quốc dẫn đầu đoàn đến khảo sát về vấn đề Islam giáo tại vùng Tây Bắc. Sau khi nghiên cứu thực tế, đoàn khảo sát quyết định cần tiến hành cải cách thể chế tôn giáo tại đây. Với nội dung: *thứ nhất*, xóa bỏ đặc quyền phong kiến trong tôn giáo; *thứ hai*, xóa bỏ chế độ quản lý phong kiến đối với các thánh đường; *thứ ba*, xóa bỏ chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất phong kiến trong các thánh đường; *thứ tư*, quét sạch các phần tử phản cách mạng đội lốt tôn giáo, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở khu vực Tây Bắc, ổn định trật tự xã hội, bảo đảm hoạt động tôn giáo bình thường của các tín đồ Islam giáo.

Đối với Phật giáo và Đạo giáo: trong chế độ xã hội cũ, Phật giáo và Đạo giáo chủ yếu phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị phong kiến. Sau khi Trung Quốc được hoàn toàn giải phóng, thông qua phong trào đấu tranh phản đế, phản phong rộng rãi, chế độ đặc quyền phong kiến đối với Phật giáo và Đạo giáo Trung Quốc được xóa bỏ. Phật giáo và Đạo giáo Trung Quốc bước vào con đường phát triển mới: *thứ nhất*, về mặt kinh tế, đã xóa bỏ được kinh tế tự viện địa chủ, thực hiện chế độ tự dưỡng. Trước đây, trong một thời gian dài, nguồn thu chủ yếu của các chùa chiền, đền miếu ở Trung Quốc dựa trên thu nhập từ các hoạt động tôn giáo và từ việc cho thuê ruộng đất, nhà ở. Năm 1950, Chính phủ Trung Quốc ban hành Luật Cải cách ruộng đất của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Điều lệ cải cách ruộng đất khu vực ngoại ô và thành phố,

trong đó quy định thực hiện chính sách trưng thu đối với ruộng đất của đền miếu, chùa chiền và cung cấp một phần ruộng đất, tư liệu sản xuất cho chức sắc, chức việc tôn giáo có sức lao động nhưng không có nghề nghiệp, mong muốn sản xuất nông nghiệp để duy trì cuộc sống; *thứ hai*, xóa bỏ tập tục lạc hậu trong thể chế tôn giáo cũ, xây dựng thể chế quản lý dân chủ đối với hệ thống đền miếu, chùa chiền; *thứ ba*, quét sạch các phần tử phản cách mạng trú ẩn trong các đền miếu, chùa chiền, tiến hành giáo dục chủ nghĩa yêu nước rộng rãi trong giới tôn giáo. Tháng 7 năm 1950, Chính Vụ viện và Tòa án Nhân dân tối cao Trung Quốc ban hành *Chỉ thị về trấn áp hoạt động phản cách mạng*. Tháng 9 năm 1956, Lý Duy Hán trong thư gửi Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ rõ: “Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, Đảng và Nhà nước ta thông qua các hình thức, tiến hành giáo dục tư tưởng yêu nước, phản đế cho giới tôn giáo; giúp họ thoát khỏi ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc và bè phái phản cách mạng trong Quốc dân Đảng, vạch trần và thanh trừ bè lũ phản cách mạng; từ đó bảo đảm cho giới tôn giáo quyền tự do yêu nước, đồng thời đoàn kết họ trong mặt trận thống nhất dân chủ nhân dân” [2, tr.158].

Từ năm 1958 trở đi, cuộc cải cách dân chủ thể chế tôn giáo được thực hiện rộng khắp ở Trung Quốc, nhờ đó đã xóa bỏ được hoàn toàn đặc quyền phong kiến và chế độ áp bức, bóc lột đối với các tôn giáo Trung Quốc.

2.1.6. Xác lập phương châm độc lập, tự chủ, tự xây dựng giáo hội

Ngay sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, phương châm độc lập, tự chủ, tự xây dựng giáo hội đã trở thành một nguyên tắc quan trọng trong chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản

Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc khẳng định các tôn giáo ở Trung Quốc phải do người Trung Quốc làm chủ; các tổ chức tôn giáo phải độc lập, tự chủ, tự lực cánh sinh, phải xây dựng giáo hội tự trị, tự dưỡng, tự truyền. Chỉ thị về tích cực thúc đẩy cuộc vận động đổi mới tôn giáo của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành vào tháng 3 năm 1951 chỉ rõ cần cắt đứt mọi mối liên hệ với chủ nghĩa đế quốc, thực hiện thể chế giáo hội tự trị, tự truyền, tự dưỡng.

2.1.7. Nghiêm túc, thận trọng trong giải quyết vấn đề tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số

Ở Trung Quốc, vấn đề tôn giáo thường đan xen với vấn đề dân tộc. Trung Quốc đã xác định: “Vấn đề tôn giáo của vùng dân tộc thiểu số là vấn đề tư tưởng, niềm tin của quần chúng; là vấn đề mang tính lịch sử, tính dân tộc. Nó có quan hệ mật thiết với tình trạng lạc hậu về kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng dân tộc thiểu số. Trong khi kinh tế, văn hóa của vùng dân tộc thiểu số chưa đạt đến trình độ phát triển nhất định, giác ngộ của người dân chưa được nâng cao thì tôn giáo còn có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống của người dân vùng dân tộc thiểu số. Do đó, thái độ đối với vấn đề tôn giáo vùng dân tộc thiểu số cần hết sức thận trọng, tránh nóng vội” [4, tr.192]. Trung Quốc chủ trương cải cách thể chế tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số phải xuất phát từ nguyện vọng của quần chúng tín đồ và nhân sĩ tôn giáo.

2.1.8. Không dùng mệnh lệnh hành chính trong ứng xử với tôn giáo

Trong thời kỳ đầu thành lập nước, trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo Đảng Cộng sản Trung Quốc không sử dụng biện pháp mệnh lệnh hành chính hay bạo lực để cưỡng bức, tiêu diệt tôn giáo. Chỉ thị về vấn đề Tin Lành và Công giáo Trung Quốc ban hành vào tháng 8 năm 1950 đã chỉ rõ: “Chủ

nghĩa Mác - Lênin trong ứng xử đối với vấn đề tôn giáo của quần chúng luôn dựa trên cơ sở nhận thức đó là vấn đề quần chúng và vấn đề xã hội mang tính tất yếu của lịch sử, các ông luôn phản đối việc sử dụng biện pháp mệnh lệnh hành chính đơn thuần để giải quyết vấn đề tôn giáo” [6, tr. 408 - 409].

Tháng 6 năm 1958, Lý Duy Hán trong lời phát biểu tại buổi tọa đàm về vấn đề Islam giáo do Bộ Mặt trận thống nhất Trung Quốc tổ chức đã khẳng định: “Nguồn gốc của tôn giáo bao gồm nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội, vậy thì sự tiêu vong của tôn giáo cần phải dựa trên việc giải phóng về tự nhiên và giải phóng về xã hội, chứ không thể dùng biện pháp cưỡng bức hay ngăn cấm. Biện pháp cưỡng bức hay ngăn cấm không những không giúp đạt được mục đích tiêu diệt tôn giáo mà ngược lại chỉ làm kích động thêm lòng cuồng nhiệt tôn giáo trong quần chúng tín đồ” [5, tr.34]. Tháng 2 năm 1965, Chu Ân Lai nhấn mạnh rằng, từ trước đến nay, Trung Quốc vẫn luôn chủ trương chính giáo phân ly, chính trị không lợi dụng tôn giáo, tôn giáo không xen vào chính trị.

2.2. Giai đoạn “Đại cách mạng văn hóa” đến trước 1982

Bên cạnh những thành tựu quan trọng đã đạt được trong nhận thức và ứng xử với tôn giáo như đã nêu trên, trong “Đại cách mạng văn hóa” (năm 1966 - năm 1976), chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vấp phải những sai lầm nghiêm trọng. Nhận thức sai lầm của Đảng Cộng sản Trung Quốc rằng “thực chất của vấn đề dân tộc là vấn đề giai cấp” đã dẫn tới việc ứng xử thô bạo, phản khoa học đối với tôn giáo. Đảng Cộng sản Trung Quốc thậm chí còn đưa ra khẩu hiệu “*nhệm vụ của Đảng Cộng sản là tiêu diệt tất cả các tôn giáo*” khiến cho khuynh hướng “tả khuynh” trong công tác tôn giáo phát triển đến đỉnh điểm.

Trong khoảng 10 năm của cuộc Đại cách mạng văn hóa, công tác tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Nhà nước Trung Quốc hoàn toàn bị xóa bỏ. Bộ Mặt trận Thống nhất và các bộ, ban, ngành làm công tác tôn giáo bị đá kích, đập phá một cách tàn khốc; nhiều cán bộ bị bức hại thảm thương. Các cơ sở thờ tự của tôn giáo trong cả nước bị đóng cửa; quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của quần chúng nhân dân bị tước đoạt, tín đồ tôn giáo bị tàn sát; mọi hoạt động tôn giáo công khai đều bị đình chỉ.

Cái giá mà Đảng Cộng sản Trung Quốc phải trả cho “Đại cách mạng văn hóa” là rất lớn. Điều này bộc lộ rõ nhận thức sai lầm nghiêm trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong lý luận và thực tiễn đối với công tác tôn giáo, đối với chủ nghĩa xã hội và đối với tính lâu dài của tôn giáo trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tổng kết bài học kinh nghiệm từ “Đại cách mạng văn hóa” và nhận thức khoa học về quy luật khách quan của sự phát triển của tôn giáo trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trở thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn tiếp theo nhằm khôi phục lại công tác tôn giáo đúng đắn của Đảng trong thời kỳ đầu sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Sau này, trong các Hội nghị trung ương cũng như các kỳ họp quan trọng khác, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra các quan điểm nhằm khắc phục những sai lầm ở giai đoạn trước.

Hội nghị Trung ương lần thứ ba khóa XI năm 1978 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhìn nhận lại những sai lầm trong tư tưởng và hành động của Đảng nhằm đưa ra nhận thức mới “thực sự cầu thị” và một loạt chính sách tôn giáo đúng đắn.

Tháng 9 năm 1979, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua văn kiện

“Phương châm và nhiệm vụ của Mặt trận Thống nhất trong thời kỳ lịch sử mới”, trong đó nhấn mạnh chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng là chính sách cơ bản để Đảng Cộng sản Trung Quốc giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng của quần chúng.

Tháng 6 năm 1981, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua Nghị quyết của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về những vấn đề lịch sử của Đảng từ sau thành lập nước, trong đó chỉ rõ: “Cần tiếp tục quán triệt thực hiện chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản đồng thời không bắt tín đồ tôn giáo bỏ tôn giáo, tín ngưỡng của họ; tuy nhiên cần yêu cầu tín đồ tôn giáo không tuyên truyền phản đối chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông; yêu cầu tôn giáo không can dự vào chính trị và giáo dục”. Nghị quyết là căn cứ chính trị, định hướng cho sự phục hồi và phát triển của chính sách tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong những giai đoạn tiếp theo.

3. Nhận xét chung

Giai đoạn từ năm 1949 đến năm 1982 là giai đoạn định hình cơ bản cho chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong thời kỳ đầu từ khi giành được độc lập cho đến trước Đại cách mạng văn hóa, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã khá coi trọng vấn đề tôn giáo, tiến hành một loạt công tác tôn giáo thực sự có hiệu quả, làm thay đổi về căn bản diện mạo chính trị cho các tôn giáo Trung Quốc. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bước đầu nhận thức và đề ra một loạt chính sách tôn giáo đúng đắn.

Tuy nhiên, trong “Đại cách mạng văn hóa”, chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vấp phải những sai lầm nghiêm trọng, gây tổn thất lớn đối với công tác tôn giáo và quần chúng tín đồ Trung

Quốc. Nhiều thành tựu về công tác tôn giáo gây dựng được trong giai đoạn trước bị xóa bỏ. Đây là giai đoạn đầy gian truân, trắc trở trong tiến trình nhận thức và ứng xử của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với vấn đề tôn giáo. Tuy nhiên, cũng chính trong giai đoạn khó khăn và thất bại này, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã rút ra được bài học kinh nghiệm sâu sắc rằng, không thể đi ngược lại với quy luật tồn tại và phát triển tự thân của tôn giáo, không thể dùng mệnh lệnh hành chính và các biện pháp cưỡng chế để tiêu diệt tôn giáo.

Hội nghị Trung ương lần thứ ba khóa XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1978 đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Trung Quốc. Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật; đánh giá những sai lầm nghiêm trọng trong nhận thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với vấn đề tôn giáo, nhất là trong thời kỳ “Đại cách mạng văn hóa”. Nhờ đó, chính sách tự do tôn giáo; chính sách mặt trận thống nhất tôn giáo; chính sách giao lưu quốc tế tôn giáo được khôi phục; đồng thời một loạt các chính sách mới về tôn giáo được đưa ra đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Kể từ đây, hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo ở Trung Quốc bước sang một giai đoạn mới.

4. Kết luận

Việc nghiên cứu chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc về tôn giáo từ năm 1949 đến năm 1982 cho phép chúng ta rút ra một số bài học trong nhận thức và ứng xử đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. *Trong nhận thức về tôn giáo*, cần nhận thức đầy đủ tính lâu dài, tính quần chúng và tính phức tạp của vấn đề tôn giáo trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội bởi vì trong điều kiện chủ nghĩa xã hội nguồn gốc sâu xa của tôn giáo vẫn chưa bị xóa bỏ, con người vẫn bị chi phối

bởi các lực lượng tự nhiên và lực lượng xã hội. Hơn nữa, vấn đề tôn giáo là vấn đề mang tính quần chúng do đó phải lấy quần chúng tín đồ làm chủ thể, nỗ lực làm tốt công tác đối với quần chúng tín đồ. Vấn đề tôn giáo còn liên quan mật thiết đến vấn đề chính trị, điều này khiến cho tính phức tạp của vấn đề tôn giáo càng được thể hiện rõ. Xuất phát từ tính phức tạp này, trong giải quyết những vấn đề tôn giáo cần hết sức thận trọng, tích cực và thỏa đáng. *Trong ứng xử với tôn giáo*, tuyệt đối không được dùng biện pháp mệnh lệnh hành chính để giải quyết vấn đề tôn giáo và không được xâm phạm quyền tự do tôn giáo, của công dân. Thực tiễn lịch sử ở cả Trung Quốc và Việt Nam đều đã chứng minh, mọi hành động bạo lực chỉ kích động thêm “tinh thần tử vì đạo” của các tín đồ tôn giáo và chỉ khi nào Đảng Cộng sản quán triệt thực hiện nguyên tắc tự do tôn giáo, thì khi đó vấn đề tôn giáo mới được giải quyết tốt; còn ngược lại khi quyền tự do tôn giáo, bị xâm hại thì sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Giang Bình (1995), *Vấn đề Mặt trận thống nhất và vấn đề dân tộc*, Nxb Lịch sử Đảng cộng sản Trung Quốc, Bắc Kinh.
- [2] Lý Duy Hán (1981), *Vấn đề Mặt trận thống nhất và vấn đề dân tộc*, Nxb Nhân dân Bắc kinh.
- [3] *Toàn tập Hiến Pháp thế giới* (quyển Thượng) (1989), Nxb phát thanh truyền hình Trung Quốc.
- [4] *Tuyển tập văn kiện về mặt trận thống nhất của Chu Ân Lai* (1984), Nxb Nhân dân, Bắc Kinh.
- [5] *Tuyển tập Lý Duy Hán* (1987), Nxb Nhân dân, Bắc Kinh.
- [6] *Tuyển tập văn kiện quan trọng từ thành lập nước đến nay* (1992), q.1, Nxb Văn hiến Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc.

